

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 2 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 701

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1: Quan điểm nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- B. Hoàn trả trực tiếp cho người dân những khoản đóng vào ngân sách.
- C. Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- D. Công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.

Câu 2: Theo phạm vi của quan hệ mua bán, thị trường được phân chia thành thị trường

- A. truyền thống và trực tuyến.
- B. trong nước và quốc tế.
- C. hoàn hảo và không hoàn hảo.
- D. cung - cầu về hàng hóa.

Câu 3: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Không bắt buộc.
- B. Bắt buộc.
- C. Tự nguyện.
- D. Cường chế.

Câu 4: Phương án nào dưới đây **không đúng** khi nói về nhược điểm của cơ chế thị trường?

- A. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.
- B. Là điều kiện để những người sản xuất hàng hóa nâng cao tính cạnh tranh.
- C. Tiềm ẩn nhiều rủi ro, khủng hoảng và đặc biệt suy thoái nền kinh tế.
- D. Cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và tiêu dùng.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của thuế?

- A. Thuế là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết thị trường.
- B. Thuế góp phần điều tiết thu nhập trong xã hội.
- C. Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.
- D. Thuế là công cụ để kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả.

Câu 6: Hình thức tín dụng trong đó người cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm là hình thức tín dụng nào dưới đây?

- A. Cho vay thế chấp.
- B. Cho vay trả góp.
- C. Cho vay tín chấp.
- D. Tín dụng đen.

Câu 7: Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được gọi là

- A. ngân sách nhà nước.
- B. tiền tệ nhà nước.
- C. kho bạc nhà nước.
- D. tài chính nhà nước.

Câu 8: Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn

- A. nguyên phần lãi phải trả.
- B. nguyên phần gốc ban đầu.
- C. đủ số vốn ban đầu.
- D. cả vốn gốc và lãi.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất.
- B. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- C. Tiết kiệm năng lượng cho đất nước.
- D. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.

Câu 10: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đặc điểm của tín dụng ?

- A. Có tính vô hạn.
- B. Dựa trên cơ sở lòng tin.

C. Có tính thời hạn.

D. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi.

Câu 11: Một trong những căn cứ quan trọng để thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp được thực hiện là người vay phải có

A. đầy đủ quan hệ nhân thân.

B. tư cách pháp nhân.

C. địa vị chính trị.

D. tài sản đảm bảo.

Câu 12: Một trong những đặc điểm của tín dụng là có tính

A. tạm thời.

B. bắt buộc.

C. vĩnh viễn.

D. phổ biến.

Câu 13: Giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường hay giá cả hàng hóa được thỏa thuận giữa người mua và người bán, là nội dung của khái niệm

A. giá cả thị trường

B. giá trị hàng hóa

C. giá cả hàng hóa

D. lưu thông hàng hóa

Câu 14: Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của hoạt động tiêu dùng?

A. Động lực cho sản xuất phát triển.

B. “Đơn đặt hàng” cho sản xuất.

C. Điều tiết hoạt động trao đổi.

D. Quyết định phân phối thu nhập.

Câu 15: Doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung gọi là

A. Doanh nghiệp tư nhân.

B. Công ty cổ phần.

C. Hợp tác xã.

D. Công ty hợp danh.

Câu 16: Một trong các chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

A. mua - bán.

B. kiểm tra.

C. thông tin.

D. thực hiện.

Câu 17: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng vai trò của tín dụng trong đời sống xã hội ?

A. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

B. Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước.

C. Hạn chế bớt tiêu dùng hàng hóa.

D. Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế.

Câu 18: Việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn được gọi là

A. giao dịch điện tử.

B. giao dịch ngân hàng.

C. tín dụng ngân hàng.

D. tín dụng thương mại.

Câu 19: Một trong những ưu điểm của mô hình sản xuất hộ kinh doanh là

A. vốn đầu tư lớn.

B. quản lý gọn nhẹ.

C. huy động nhiều lao động.

D. có nhiều công ty con.

Câu 20: Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

A. tiêu dùng.

B. trao đổi.

C. phân phối.

D. sản xuất.

Câu 21: Sản xuất kinh doanh **không** có vai trò nào dưới đây ?

A. Thúc đẩy khủng hoảng.

B. Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

C. Tạo ra sản phẩm hàng hóa.

D. Tạo việc làm cho xã hội.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1:(2 điểm) Ông M đưa ông N là em trai mình vào danh sách nhận hỗ trợ của Chính phủ cho người dân vùng bão lũ. Tuy nhiên, thấy mình có điều kiện tốt hơn nhiều người khác nên ông N đã tự nguyện xin không nhận sự hỗ trợ này, nhường cho người khác có hoàn cảnh khó khăn hơn.

Câu hỏi: Trong tình huống trên ai thực hiện đúng, ai vi phạm pháp luật ngân sách Nhà nước? Vì sao?

Câu 2:(1 điểm) Trong xóm có bà Y đang vận động mọi người cho vay tiền sẽ được hưởng lãi suất cao hơn so với gửi ngân hàng để bà lấy vốn đầu tư kinh doanh. Bác hàng xóm tin tưởng, rủ mẹ H cho bà Y vay tiền.

Câu hỏi: Mẹ H có nên cho bà Y vay tiền không? Vì sao?

----- HẾT -----